

Bản án số: 144/2017/HSST
Ngày 26 tháng 10 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1, Ông Hoàng Văn T

2, Bà Nguyễn Thị Vượng

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B: Ông Đoàn Thế Đức- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và 26 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở TAND thành phố B tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 137/2017/HSST ngày 08/9/2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Đỗ Văn T**, sinh năm 1962- Tên gọi khác: Không.

- Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: G, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

- Nghề nghiệp: Làm ruộng; Văn hóa: 9/10.

- Con ông: Đỗ Văn X, sinh năm 1937.

- Con bà: Vũ Thị M, sinh năm 1942.

- Gia đình có 07 anh em, bị cáo là thứ nhất.

- Vợ: Nguyễn Thị V, sinh năm 1962.

- Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1987, con nhỏ sinh năm 1990.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Bản án số 259/2011/HSST ngày 21/11/2011, Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Đánh bạc”.

- Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/5/2017 đến ngày 28/5/2017 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Họ và tên: **Đỗ Văn P**, sinh năm 1978 - Tên gọi khác: Không.
 - Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: G, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.
 - Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.
 - Nghề nghiệp: Làm ruộng; Văn hóa: 4/12.
 - Con ông: Đỗ Văn T, sinh năm 1952 (đã chết).
 - Con bà: Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1952.
 - Gia đình có 03 anh em, bị cáo là thứ ba.
 - Vợ: Trần Thị Đ, sinh năm 1979.
 - Bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2010.
 - Tiền án, tiền sự: Không.
 - Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/5/2017 đến ngày 28/5/2017 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.
3. Họ và tên: **Trần Văn C**, sinh năm 1986 -Tên gọi khác: Không.
 - Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Đ, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.
 - Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.
 - Nghề nghiệp: Làm ruộng; Văn hóa: 9/12.
 - Con ông: Trần Văn H, sinh năm 1963.
 - Con bà: Hoàng Thị C, sinh năm 1963.
 - Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ hai.
 - Vợ: Lương Thị H, sinh năm 1987.
 - Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012.
 - Tiền án: Tại bản án số 14/2014/HSST ngày 20/02/2014, Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 10 tháng tù về tội “Đánh bạc” (số tiền đánh bạc là 9.160.000 đồng).
 - Tiền sự: Không.
 - Nhân thân: Tại bản án số 257/2011/HSST ngày 10/11/2011, Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 03 tháng 10 ngày tù về tội “Đánh bạc” (số tiền đánh bạc là 2.160.000 đồng).
 - Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/5/2017 đến ngày 29/8/2017 được thay thế bằng biện pháp cho bảo lãnh. Có mặt.
4. Họ và tên: **Đỗ Văn K**, sinh năm 1979 - Tên gọi khác: Không.
 - Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: G, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.
 - Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.
 - Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 5/12.

- Con ông: Đỗ Văn T, sinh năm 1955.
- Con bà: Nguyễn Thị M, sinh năm 1958.
- Gia đình có 04 chị em, bị cáo là thứ hai.
- Vợ: Nguyễn Thị B, sinh năm 1980.
- Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2016.
- Tiền sự: Không.

- Tiền án: Bản án số 223/2011/HSST ngày 30/9/2011, Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “*Tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy*”, thời hạn tù tính từ ngày 07/6/2011 (chưa chấp hành xong phần hình phạt bổ sung và án phí).

- Nhân thân:

+ Tại quyết định số 59/QĐ-XPHC ngày 10/01/2008, Công an phường Trần Phú xử phạt hành chính 200.000 đồng về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”.

+ Tại quyết định số 954/QĐ-UBND ngày 05/6/2008, Chủ tịch UBND huyện Y, tỉnh Bắc Giang áp dụng biện pháp hành chính đưa vào Trung tâm Giáo dục lao động xã hội tỉnh Bắc Giang cai nghiện bắt buộc, trong thời hạn 12 tháng.

+ Tại quyết định số 02/BC-XPHC ngày 23/01/2011, Công an xã T xử phạt hành chính 750.000 đồng về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”.

+ Tại quyết định số 59/QĐ-CAP ngày 25/6/2014, Công an phường Mỹ Độ xử phạt hành chính 750.000 đồng về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”.

- Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/5/2017 đến ngày 21/6/2017 được thay thế bằng biện pháp cho bảo lãnh. Có mặt.

5. Họ và tên: **Đỗ Văn M**, sinh năm 1955 - Tên gọi khác: Không.

- Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: G, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

- Nghề nghiệp: Bảo vệ Công ty Lam Sơn; Văn hóa: 8/10.

- Con ông: Đỗ Văn M (đã chết).

- Con bà: Hoàng Thị (đã chết).

- Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ hai.

- Vợ: Đoàn Thị P, sinh năm 1960.

- Bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 1975, con nhỏ sinh năm 1987.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Tại bản án hình sự ngày 10/01/1987, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Bắc xử phạt 03 tháng tù về hành vi “*Đánh bạc*”.

- Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/5/2017 đến ngày 28/5/2017, được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

6. Họ và tên: **Đỗ Đức N**, sinh năm 1968.

- Tên gọi khác: Không.

- Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: G, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

- Nghề nghiệp: Bảo vệ Công ty Ba Sao; Văn hóa: 12/12.

- Con ông: Đỗ Văn T, sinh năm 1937 (đã chết).

- Con bà: Trần Thị D, sinh năm 1939 (đã chết).

- Gia đình có 08 anh em, bị cáo là con thứ tư.

- Vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1974.

- Bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 2003.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/5/2017 đến ngày 28/5/2017 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

7. Họ và tên: **Đỗ Văn V**, sinh năm 1968- Tên gọi khác: Không.

- Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: G, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

- Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 7/10.

- Con ông: Đỗ Văn C, sinh năm 1942 (đã chết).

- Con bà: Đỗ Thị G, sinh năm 1942.

- Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai.

- Vợ: Trần Thị P, sinh năm 1969.

- Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1991.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/5/2017 đến ngày 28/5/2017 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

8. Họ và tên: **Trần Tuấn A**, sinh năm 1978

Tên gọi khác: Trần Văn T

- Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn Đ, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

- Nghề nghiệp: Làm ruộng; Văn hóa: 7/12.

- Con ông: Trần Văn Chương, sinh năm 1948.

- Con bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1963.
- Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ hai.
- Vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1983 (đã ly hôn).
- Bị cáo có 01 con sinh năm 2006.
- Tiền án: Tại bản án số 104/2013/HSST ngày 13/5/2013, Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 03 năm tù về tội “*Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy*”.
- Tiền sự: Không.
- Nhân thân:
 - + Tại bản án số 34/2006/HS-ST ngày 29/6/2006, Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xử phạt 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.
 - + Tại quyết định số 61/CABG ngày 13/6/2012, Công an phường Ngô Quyền, thành phố B xử phạt hành chính 750.000 đồng về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”.
- Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/6/2017 đến nay. Có mặt.
- * Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1962. Trú quán: G, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

NHẬN THẤY

Các bị cáo Đỗ Văn T, Đỗ Văn P, Trần Văn C, Đỗ Văn K, Đỗ Văn M, Đỗ Đức N, Đỗ Văn V và Trần Tuấn A bị VKSND thành phố B truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 25/5/2017, sau khi đi làm về, Đỗ Văn T sinh năm 1962 cùng với Đỗ Văn P sinh năm 1978, Đỗ Văn K sinh năm 1979 đều trú tại G, xã T, thành phố B và Trần Tuấn A, sinh năm 1978, trú tại Thôn Đ, xã T, thành phố B rủ nhau vào nhà T chơi. Trong lúc ngồi uống nước, T, P, Tuấn A, K cùng rủ nhau đánh bạc bằng hình thức đánh xóc đĩa. T lấy 01 chiếc chiếu bằng cói, 01 chiếc bát bằng sứ, 01 chiếc đĩa bằng sứ, Phi lấy 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long cắt thành 04 quân bằng vị hình tròn có một mặt màu trắng, một mặt màu vàng để sử dụng đánh bạc tại nhà T.

Hình thức đánh bạc như sau: Người xóc cái để 04 quân bằng vị vào đĩa, sau đó úp bát vào đĩa và xóc, quy định cửa chắn là bên tay phải, cửa lẻ bên tay trái người xóc cái. Khi mở bát, nếu có 04 quân vị ngựa cùng màu vàng hoặc màu trắng hoặc 02 quân ngựa màu vàng, 02 quân ngựa màu trắng thì người đặt tiền ở cửa chắn thắng và được người xóc cái trả cho số tiền bằng số tiền đặt, còn người đặt tiền ở cửa lẻ mất số tiền đã đặt. Ngược lại, khi mở bát ra có 03 quân ngựa màu vàng hoặc 01 quân ngựa màu vàng, 01 quân ngựa màu trắng hoặc 03 quân ngựa màu trắng, thì người đặt tiền ở cửa bên lẻ thắng và được người xóc cái trả cho số tiền bằng số tiền người đó đã đặt, còn người đặt tiền ở cửa bên chắn mất số tiền đã đặt. Trước khi mở bát, người xóc cái làm nhiệm vụ cân cửa, nếu số tiền ở một

trong hai cửa mà chênh lệch thì người xóc cái hỏi bán số tiền dư đó, nếu ai mua thì người xóc cái bán, nếu không ai mua thì người ở bên cửa nhiều hơn phải rút lại số tiền chênh lệch; nếu không ai rút lại tiền thì người xóc cái yêu cầu mọi người đặt tiền lại. Sau khi hai bên đã cân bằng cửa, người xóc cái mở bát ra, sau đó người xóc cái làm nhiệm vụ thu tiền của bên thua trả cho bên được.

Quá trình đánh bạc, Đỗ Văn P là người xóc cái, mức tiền đặt cửa mỗi ván thấp nhất là 100.000 đồng, tối đa không quá 700.000 đồng. Các đối tượng đánh bạc được một lúc thì lần lượt có Đỗ Văn V sinh năm 1968, Đỗ Đức N sinh năm 1968 và Đỗ Văn M sinh năm 1955 đều trú tại G, xã T, thành phố B và Trần Văn C sinh năm 1986 trú tại Thôn Đ, xã T, thành phố B đến và cùng tham gia đánh bạc. Cả tám người đánh bạc đến khoảng 11 giờ 20 phút cùng ngày thì N, M nghỉ không đánh bạc nữa ra về. Những người còn lại tiếp tục đánh bạc đến khoảng 13 giờ 35 phút ngày 25/5/2017 thì bị Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội- Công an thành phố B phát hiện bắt quả tang. Khi bị phát hiện, Đỗ Văn V và Trần Tuấn A đã bỏ chạy thoát. Vật chứng thu giữ khi bắt quả tang bao gồm: 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân bài, 01 chiếc chiếu cói và số tiền 26.800.000 đồng thu trên chiếu bạc.

Cùng ngày 25/5/2017, Cơ quan điều tra đã khám xét khẩn cấp nơi ở của Đỗ Văn T. Kết quả thu giữ ở gầm tủ lạnh đặt trong phòng ngủ số tiền 5.000.000 đồng; thu ở đỉnh tủ lạnh 01 bát con bằng sứ, 01 đĩa nhựa, 04 quân bài hình tròn cắt từ bao thuốc lá Thắng Long.

Ngày 25/5/2017, Đỗ Văn M, Đỗ Đức N, Đỗ Văn V đến Công an thành phố B đầu thú, Minh giao nộp số tiền 1.300.000 đồng, Niên giao nộp 580.000 đồng là số tiền M, N dùng đánh bạc.

Quá trình điều tra, Trần Tuấn A bỏ trốn khỏi địa phương. Đến ngày 14/6/2017, Cơ quan điều tra đã bắt được Trần Tuấn A theo lệnh truy nã, tạm giữ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 225, vỏ màu đen, số seri 1: 351854072884344, số seri 2: 351854072884351, máy đã qua sử dụng.

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận số tiền sử dụng đánh bạc như sau: Trần Văn C khai khi đánh bạc có 9.000.000 đồng, bỏ ra sử dụng khoảng 8.800.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt tự nguyện giao nộp 200.000 đồng không sử dụng đánh bạc; Đỗ Văn P khai sử dụng khoảng 5.000.000 đồng để đánh bạc; Đỗ Văn T khai sử dụng khoảng 4.000.000 đồng để đánh bạc; Đỗ Văn K khai sử dụng khoảng 4.000.000 đồng để đánh bạc; Đỗ Văn M khai sử dụng khoảng 1.300.000 đồng để đánh bạc, khi ra về còn 1.300.000 đồng, khi ra đầu thú giao nộp 1.300.000 đồng; Đỗ Văn V khai sử dụng khoảng 1.100.000 đồng để đánh bạc; Đỗ Đức N khai sử dụng khoảng 780.000 đồng để đánh bạc, khi ra về còn 580.000 đồng, khi ra đầu thú giao nộp 580.000 đồng; Trần Tuấn A khai sử dụng khoảng 4.500.000 đồng để đánh bạc, khi bỏ chạy cầm 600.000 đồng và đã chi tiêu cá nhân hết. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc ngày 25/5/2017 là 29.280.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Đỗ Văn T, Đỗ Văn P, Trần Văn C, Đỗ Văn K, Đỗ Văn M, Đỗ Đức N, Đỗ Văn V, Trần Tuấn A đã khai nhận hành vi phạm tội.

Tại bản cáo trạng số 140/KSĐT ngày 08/9/2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố các bị cáo Đỗ Văn T, Đỗ Văn P, Trần Văn C, Đỗ Văn K, Đỗ Văn M, Đỗ Đức N, Đỗ Văn V, Trần Tuấn A về tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 248- Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

* Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi như cáo trạng đã truy tố.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị V trình bày: Chị là vợ của bị cáo T. Ngày 25/5/2017 có các bị cáo Đỗ Văn P, Trần Văn C, Đỗ Văn K, Đỗ Văn M, Đỗ Đức N, Đỗ Văn V, Trần Tuấn A đến nhà chị chơi. Sau khi ăn cơm trưa xong chị đi ra ngoài, việc các bị cáo cùng đánh bạc với nhau ở nhà của chị như thế nào thì chị không nắm được. Đến khi Công an đến kiểm tra khám xét nhà của chị có thu giữ số tiền 5.000.000 đồng để ở sau tủ lạnh và 01 bát con bằng sứ, 01 đĩa nhựa, 04 quân bài vị hình tròn cắt từ bao thuốc lá Thăng Long. Đối với số tiền 5.000.000 đồng là tiền của chị, chị dùng để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, không liên quan gì đến hành vi đánh bạc của các bị cáo. Số tiền này chị đã được cơ quan điều tra trả lại, tại phiên tòa chị không có yêu cầu gì về số tiền này. Còn 01 bát con bằng sứ, 01 đĩa nhựa, 04 quân bài vị hình tròn cắt từ bao thuốc lá Thăng Long thì chị không biết là của ai, chị không có ý kiến gì đối với những vật chứng này.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với các bị cáo.

1. Tuyên bố các bị cáo Đỗ Văn T, Đỗ Văn P, Trần Văn C, Đỗ Văn K, Đỗ Văn M, Đỗ Đức N, Đỗ Văn V, Trần Tuấn A phạm tội “*Đánh bạc*”.

2. Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 248; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 20; Điều 53- Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn T từ 07 đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 25/5/2017 đến ngày 28/5/2017). Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo từ 05 đến 06 triệu đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 20; Điều 53- Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn P từ 07 đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 25/5/2017 đến ngày 28/5/2017). Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo từ 05 đến 06 triệu đồng sung công quỹ Nhà nước.

Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 248; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 20; Điều 53- Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Trần Văn C từ 07 đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 25/5/2017 đến ngày 29/8/2017). Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo từ 05 đến 06 triệu đồng sung công quỹ Nhà nước.

Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 248; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 20; Điều 53- Bộ luật hình sự năm 2009. Xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn Kiên từ 07 đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án

(được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 25/5/2017 đến ngày 21/6/2017). Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo từ 05 đến 06 triệu đồng sung công quỹ Nhà nước.

Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 248; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 20; Điều 53- Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn M 06 đến 08 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 25/5/2017 đến ngày 28/5/2017). Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo từ 03 đến 04 triệu đồng sung công quỹ Nhà nước.

Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 60; Điều 20; Điều 53- Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Đỗ Đức N từ 06 đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 16 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã T giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo từ 03 đến 04 triệu đồng sung công quỹ Nhà nước.

Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 60; Điều 20; Điều 53- Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn V từ 06 đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã T giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo từ 03 đến 04 triệu đồng sung công quỹ Nhà nước.

Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 248; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 20; Điều 53- Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Trần Tuấn A từ 07 đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 14/6/2017. Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo từ 05 đến 06 triệu đồng sung công quỹ Nhà nước.

- Về vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu huỷ: 02 Bát con bằng sứ, màu trắng đã qua sử dụng; 01 Đĩa con bằng sứ, đã qua sử dụng; 01 Đĩa nhựa màu trắng, đã qua sử dụng; 08 quân bài vị hình tròn, một mặt màu trắng, một mặt màu vàng, được cất từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long; 01 Chiếc chiếu cói đã qua sử dụng.

+ Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 28.680.000 đồng.

+ Truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 600.000 đồng của bị cáo Trần Tuấn A.

+ Trả lại bị cáo Trần Tuấn A 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 225, vỏ màu đen, số seri 1: 351854072884344, số seri 2: 351854072884351, máy đã qua sử dụng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ Trả lại bị cáo Cường số tiền 200.000 đồng nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự buộc các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo.

XÉT THẤY:

Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, tang vật chứng thu giữ được và các tài liệu khác có trong hồ sơ, đã có đủ cơ sở kết luận: Hồi 13 giờ 35 phút ngày 25/5/2017, tại nhà Đỗ Văn T, sinh năm 1962, trú tại G, xã T, thành phố B, Đội cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội- Công an thành phố B bắt quả tang Đỗ Văn T, Đỗ Văn P, Trần Văn C, Đỗ Văn K, Đỗ Văn V và Trần Tuấn A đang có hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh xóc đĩa, trước đó Đỗ Văn M và Đỗ Đức N cũng tham gia đánh bạc trên cùng chiếu bạc nhưng bỏ về trước. Tổng số tiền Đỗ Văn T, Đỗ Văn P, Trần Văn C, Đỗ Văn K, Đỗ Văn M, Đỗ Đức N, Đỗ Văn V và Trần Tuấn A sử dụng vào việc đánh bạc là 29.280.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 248- Bộ luật hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố các bị cáo theo điều khoản như trên là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. “*Đánh bạc*” là một trong những nguyên nhân dẫn đến các loại tội phạm khác, làm suy giảm kinh tế gia đình, bị dư luận quần chúng nhân dân lên án. Do vậy hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải xử nghiêm bằng pháp luật hình sự để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo Đỗ Văn P, Đỗ Đức N, Đỗ Văn V có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự gì. Còn các bị cáo Đỗ Văn T, Trần Văn C, Đỗ Văn K, Đỗ Văn M và Trần Tuấn A là các đối tượng có nhân thân xấu. Đỗ Văn T và Đỗ Văn M đã bị xét xử về hành vi “*Đánh bạc*” và đã được xóa án tích. Trần Văn C đã hai lần bị xét xử về hành vi “*Đánh bạc*”, áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội theo hướng có lợi cho bị cáo thì bản án số 257/2011/HSST ngày 10/11/2011, Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt bị cáo 03 tháng 10 ngày tù về tội “*Đánh bạc*” đã được xóa án tích. Đỗ Văn K có một tiền án về hành vi “*Tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy*” và nhiều lần bị xử lý hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Trần Tuấn A có một tiền án về hành vi “*Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy*”, ngoài ra bị cáo Trần Tuấn A còn bị xét xử về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” và bị xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Xét về vai trò, tính chất mức độ phạm tội của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn không có sự cấu kết chặt chẽ, không có sự phân công, thống nhất về việc thực hiện hành vi phạm tội. Xét vai trò của các bị cáo để cá thể hóa hình phạt thì thấy các bị cáo T, Phi, Tuấn và Kiên giữ vai trò chính do các bị cáo tham gia đánh bạc từ đầu đến khi

bị bắt. Bị cáo T là chủ nhà, là người chuẩn bị công cụ phạm tội. Bị cáo Phi là người cầm cái, làm chủ chiếu bạc. Bị cáo Cường tuy không tham gia đánh bạc từ đầu nhưng có số tiền dùng để đánh bạc cao nhất nên có vai trò ngang với các bị cáo T, Phi, Tuấn, Kiên. Đối với các bị cáo Niên, Minh và Vân có vai trò thứ yếu do có thời gian và số tiền dùng để đánh bạc ít hơn các bị cáo khác.

Xét các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thì thấy:

+ Các bị cáo Đỗ Văn K, Trần Văn C và Trần Tuấn A có một tiền án chưa được xóa án tích, do vậy các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48- Bộ luật hình sự.

+ Đối với các bị cáo Đỗ Văn T, Đỗ Văn P, Đỗ Văn M, Đỗ Đức N và Đỗ Văn V không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 48- Bộ luật hình sự.

Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo hành vi phạm tội và đều thể hiện thái độ ăn năn hối cải. Các bị cáo Phi, Vân, Niên phạm tội là lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo Vân, Niên, Minh đã nhận ra hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên các bị cáo đã đến cơ quan Công an để đầu thú. Bị cáo T có thời gian phục vụ trong quân đội. Bị cáo Cường có bố đẻ là người có công với cách mạng (là thương binh hạng B). Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cụ thể:

+ Bị cáo T và bị cáo Cường có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46- Bộ luật hình sự.

+ Bị cáo Phi có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46- Bộ luật hình sự.

+ Bị cáo Kiên và bị cáo Tuấn Anh có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46- Bộ luật hình sự.

+ Các bị cáo Niên và Vân có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46- Bộ luật hình sự.

+ Bị cáo Minh có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46- Bộ luật hình sự.

Từ những nhận định trên đây thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo Đỗ Văn T, Trần Văn C, Đỗ Văn K, Trần Tuấn A, Đỗ Văn P, Đỗ Văn M ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Còn đối với các bị cáo Đỗ Đức N và Đỗ Văn V có nhân thân thân tốt, có địa chỉ cư trú rõ ràng, không cần bắt các bị cáo phải cách ly khỏi xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ để giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Ngoài hình phạt chính cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Buộc bị cáo Tuấn Anh phải nộp lại số tiền dùng để đánh bạc là 600.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Về vật chứng của vụ án cần xử lý như sau:

+ Tịch thu tiêu hủy: 02 bát con bằng sứ đã qua sử dụng, 01 đĩa con bằng sứ đã qua sử dụng, 01 đĩa nhựa màu trắng đã qua sử dụng, 08 quân bài vị một mặt màu vàng một mặt màu trắng được cất từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long và 01 chiếc chiếu cói đã qua sử dụng.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 225 vỏ màu đen, số sêri 1: 351854072884344, số sêri 2: 351854072884351 đã qua sử dụng cần trả lại bị cáo Tuấn Anh nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ Trả lại bị cáo Trần Văn C số tiền 200.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 28.680.000 đồng.

Đối với số tiền 5.000.000 đồng thu giữ khi khám xét khẩn cấp tại nhà Đỗ Văn T, qua điều tra đã xác định được đó là số tiền do chị Nguyễn Thị V là vợ bị cáo T để ở sau tủ lạnh dùng để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, số tiền này không liên quan đến hành vi đánh bạc. Ngày 04/8/2017, Cơ quan điều tra đã trả lại số tiền 5.000.000 đồng cho chị Vinh là phù hợp.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Đỗ Văn T, Đỗ Văn P, Trần Văn C, Đỗ Văn K, Đỗ Văn M, Đỗ Đức N, Đỗ Văn V, Trần Tuấn A phạm tội “*Đánh bạc*”.

2. Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 248; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 20; Điều 53- Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn T 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 25/5/2017 đến ngày 28/5/2017). Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo 05 triệu đồng để sung công quỹ Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 20; Điều 53- Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn P 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 25/5/2017 đến ngày 28/5/2017). Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo 05 triệu đồng để sung công quỹ Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 248; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 20; Điều 53- Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Trần Văn C 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/5/2017 đến ngày

29/8/2017). Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo 06 triệu đồng để sung công quỹ Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 248; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 20; Điều 53- Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn K 08 (tám) tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/5/2017 đến ngày 21/6/2017). Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo 05 triệu đồng để sung công quỹ Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 248; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 20; Điều 53- Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Trần Tuấn A (tên gọi khác: Trần Văn Tuấn) 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 14/6/2017. Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo 06 triệu đồng để sung công quỹ Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 248; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 20; Điều 53- Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn M 07 (bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 25/5/2017 đến ngày 28/5/2017). Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo 04 triệu đồng để sung công quỹ Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 60; Điều 20; Điều 53- Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Đỗ Đức N 05 (năm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã T giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo 04 triệu đồng để sung công quỹ Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 60; Điều 20; Điều 53- Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn V 05 (năm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã T giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo 04 triệu đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì việc thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69- Luật thi hành án hình sự.

* Áp dụng Điều 41- Bộ luật hình sự. Điều 76; Điều 99; Điều 231 và Điều 234- Bộ luật tố tụng hình sự.

- Buộc bị cáo Tuấn Anh phải nộp lại số tiền 600.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

- Về vật chứng của vụ án cần xử lý như sau:

+ Tịch thu tiêu hủy: 02 bát con bằng sứ đã qua sử dụng, 01 đĩa con bằng sứ đã qua sử dụng, 01 đĩa nhựa màu trắng đã qua sử dụng, 08 quân bài vị một mặt màu vàng một mặt màu trắng được cất từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long và 01 chiếc chiếu cói đã qua sử dụng.

+ Trả lại bị cáo Trần Tuấn A 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 225 vỏ màu đen, số sêri 1: 351854072884344, số sêri 2: 351854072884351 đã qua sử dụng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ Trả lại bị cáo Trần Văn C số tiền 200.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 28.680.000 đồng.

- Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9- Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Bắc giang.
- VKSND Tp B.
- Công an Tp B.
- CCTHADS Tp B.
- Các bị cáo.
- Lưu Hồ sơ, Vp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Chuyên